

GIẤC MƠ VÀ NỤ CƯỜI

(TẢN MẠN KÝ ỨC CỦA SÁNG LẬP VIÊN TRẺ TUỔI NHẤT)

PGS. TS. Nguyễn Mạnh Quân *

Tôi viết ra một số kỷ niệm không thể quên về những ngày đầu thành lập trường và về những người mà tôi yêu mến, kính trọng như một cách để trải lòng. Đối với tôi, đó cũng là những giá trị đã trở thành hòn đá tảng xây dựng nền móng cho sự thành công của trường ngày nay. Tôi giữ chúng như những kỷ vật và niềm tin, vì nó cho tôi sức mạnh để miệt mài theo đuổi. Bỏ những hòn đá nền móng đó, ngôi trường khó tồn tại bền vững, lâu dài. Tôi tin rằng, có thể nhiều đồng nghiệp sẽ đồng cảm với tôi, dù không phải tất cả. Cảm ơn các đồng nghiệp.

“Ước mơ và Dũng khí” – Lựa chọn một sự nghiệp để theo đuổi...

Có người hỏi tôi: “*Tại sao lại tham gia trường của ông Phương?*”. Lúc đầu thật khó giải thích. Sau này, giống như nhiều đồng nghiệp ở HUBT, câu trả lời đơn giản là: “Sức thu hút của GS. Trần Phương”.

Tôi gặp GS. Trần Phương lần đầu vào một buổi sáng tháng Ba năm 1995 tại trụ sở Thời báo Kinh tế Việt Nam đóng tại Nhà in Tiến bộ số 175 phố Nguyễn Thái Học (nay Công ty đã chuyển đi nơi khác). Mới chỉ kịp giới thiệu tên sau lời chào, bác Phương (tôi thường dùng và thích cách gọi này hơn) đã nói ngay:

“Bọn mình đang thành lập trường, cậu về nhé. Mình sẽ viết thư cho Lương Xuân Quỳ¹ để cậu về biệt phái bên này”. Quyết định nhanh như vậy là nhờ những thông tin đã có từ trước.

Thực ra, tôi đã biết bác Phương từ trước đó, nhưng với tư cách con cháu. Tôi quen anh con trai út của bác Phương từ đầu những năm 1980, qua em của một người bạn học. Chúng tôi đã có dịp rong ruổi trên xe máy lên đỉnh Tam Đảo khi còn hoang sơ. Vợ tôi học phổ thông cùng khóa với con gái út của bác Phương, sau cùng học lớp phiên dịch tiếng Anh cao cấp với nhau. Anh con trai cả là chuyên gia tư vấn cho dự án quốc tế, do vợ tôi tham gia quản lý. Nhưng lần đầu đối diện với bác Phương về công việc là ở buổi gặp nói trên. Không rõ điều này có ảnh hưởng gì đến quyết định của bác Phương hay không, nhưng tôi chắc chắn rằng quyết định này có ảnh hưởng, bởi lần gặp này và các thông tin có trước đó.

Bác Phương học trường Bưởi, trên bố tôi một lớp, nhưng không biết nhau. Còn bác Phương và bác Nguyễn Mạnh Can² đã quen biết nhau từ lâu. Bố tôi cùng lớp với bác Can. Nhà tôi ở Cầu Giấy có vườn cây, hoa trái, nên các bác cừ

* Sáng lập viên, Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Phát triển doanh nghiệp

1. Hiệu trưởng đương nhiệm của Trường Đại học Kinh tế quốc dân lúc đó.

2. Sáng lập viên, nguyên Phó ban Tổ chức Trung ương, nguyên Bí thư Đảng ủy đầu tiên của HUBT, nguyên ủy viên Hội đồng Quản trị.

học sinh trường Bưởi bạn bố tôi thường gặp nhau ở đó. Trong một lần gặp nhau vào cuối năm 1994, bác Can có hỏi tôi: “Câu mới đi học ở Mỹ về, thấy có gì đặc biệt nói mình nghe thử”. Tôi đi học Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) từ năm 1992 mới về tháng 10/1994, mọi thứ còn khá mới mẻ, nên trả lời khá hào hứng về những điều nhìn thấy, được học. Cuối câu chuyện, bác Can có nói: “Các bác đang chuẩn bị thành lập trường, nên cần hiến kế. Bác sẽ bố trí, hôm nào bác Trần Phương sang Hà Nội (lúc đó bác Phương chủ yếu sống ở Xuân Quan, giáp Hưng Yên) sẽ gặp cháu”. Sau đó, bác Can có hẹn tôi lên số 10 Nguyễn Cảnh Chân (trụ sở của Ban Tổ chức Trung ương Đảng).

Tại phòng làm việc của bác Can, còn có mặt bác Dương Minh Thi³. Mở đầu câu chuyện, bác Can nói: “Mười người đi học ở Mỹ về, thì chỉ dùng được hai người (lúc đó số đi học ở Mỹ về ở phía Bắc cũng chỉ khoảng bấy nhiêu), nhưng cháu yên tâm, các bác muốn nghe ý kiến của cháu vì các bác đang chuẩn bị thành lập trường”. Máy ghi âm chạy vo vo cũng làm tôi e ngại. Nhưng sau đó, khi say chuyện, tôi quên hết. Sau này, tôi mới biết ghi âm để các bác sáng lập viên khác còn nghe. Chắc bác Phương cũng đã nghe. Câu chuyện tôi đã trao đổi chẳng có gì đặc biệt, bởi nó đề cập đến việc đào tạo sinh viên các chuyên ngành về quản trị kinh doanh và trường đại học trong cơ chế kinh tế thị trường. Nhưng ở thời điểm đó (1994-1995) là những điều

khá mới mẻ. Sau này, có dịp làm việc với GS. Trần Phương, tôi được biết những trao đổi lần đó đã góp phần chuyển từ mô hình xã hội chủ nghĩa truyền thống (thường thấy ở các trường hệ công lập) tập trung vào các vấn đề của kinh tế nhà nước sang tập trung vào các vấn đề của kinh tế tư nhân, kinh tế thị trường điển hình ở các trường khối Tây - Âu. Không nói ra, nhưng tôi khá tự hào về điều này.

“Hy sinh và Công hiến” – Sức thu hút của những người đi tiên phong...

Tôi phải nói ngay rằng, những người đi tiên phong là những sáng lập viên đã qua tuổi 60 và người đi đầu là GS. Trần Phương. Tôi là người ít tuổi nhất được tham gia vào đội ngũ này ở tuổi 41. Kỳ lạ là ở chỗ, nói đến “đi đầu”, người ta thường nói đến “thanh niên”, “trẻ”, “khỏe”, chứ mấy ai nói đến người già, sức khỏe đã kém, những vị lãnh đạo cao cấp. Vì thế, tôi tự hào không phải là người trẻ khỏe nhất, mà là người có được vinh dự được đi cuối những người đầy nhiệt huyết, có lý tưởng cao đẹp, dấn thân vào một mảnh đất lạ lẫm mà không chắc sẽ được thấy được thành quả.

Trong một buổi họp các sáng lập viên mà tôi được tham dự, bác Phương có tự sự: “Chúng ta đã cống hiến nhiều cho đất nước, nay đến lúc nghỉ ngơi. Vậy thì thành lập trường để làm gì? Nếu may mắn, lúc thành công chúng ta cũng chẳng còn sống để mà hưởng thụ, còn nếu không may thất bại thì có lẽ chẳng thể nhắm mắt được, các ông ạ”. Sự tiếp tục cống hiến,

3. Sáng lập viên, nguyên Vụ trưởng Ban Tổ chức Trung ương, nguyên ủy viên Hội đồng Quản trị (đã mất).

sẵn sàng dần thân của những bậc tiền bối đã hoàn toàn thu hút và thuyết phục được tôi về những lý tưởng cao đẹp, lâu dài mà họ theo đuổi, dù đôi khi chúng được thể hiện bằng những ngôn từ đời thường, trần tục. Sứ mệnh ấy đã tạo niềm tin và tâm huyết để tôi theo đuổi như một lời tri ân các bậc lão thành đã vô tư và thanh thản vì sự nghiệp. Tôi cũng muốn được thanh thản như các sáng lập viên lão thành. Khi viết những dòng này, nhiều kỷ niệm ùa về làm tôi bối rối, không biết phải chọn lọc, sắp xếp sao cho xứng đáng. Thôi thì cứ dành liều viết ra theo cảm xúc vậy.

“Ham hiểu biết và Đổi mới” – Tìm kiếm để biết thế nào là đúng,...

Tôi đã trải qua những ngày tháng rong ruổi trên đường. Xin thưa không phải đi buôn bán, làm ăn hay trải nghiệm thực tế. Tôi muốn nói tới những ngày tháng làm việc trực tiếp giữa tôi và bác Phương. Gần 20 km từ nơi tôi ở, làm việc sang Xuân Quan vào những ngày nắng, rét, vất vả, nhưng tuyệt đẹp. Sau buổi gặp đầu tiên, còn có một số buổi họp khác với sự tham dự của các thành viên sáng lập để bàn việc chung. Riêng tôi được bác Phương cho một “đặc quyền”: “Có thời gian lúc nào, thì sang Xuân Quan để bác hỏi, tâm sự và giải đáp thắc mắc của bác về mọi vấn đề liên quan đến trường. Không cần báo trước, hay xin phép, có được thời gian trống giữa các buổi đi giảng khi nào thì sang. Chỉ với điều kiện: nếu chỉ một buổi, thì đừng sang, đi lại vất vả lắm. Sang đây từ sáng sớm, làm việc, trưa, *bà lão* (bác gọi vui bác Thủy) nấu cơm cả hai ăn. Nghỉ một lúc, chiều làm việc tiếp. Cuối chiều tắt nắng, cậu hãy về”.

Và thế là gần một năm đã trôi đi như vậy. Tôi không biết có ai đã từng làm việc với bác Phương liên tục, lâu như vậy hay không? Không chỉ những câu hỏi, câu chuyện, lời tâm sự của bác Phương làm cho tôi hiểu thêm và cảm phục ý chí, ước mơ, mong muốn của một con người, mà còn là của những người đã sáng lập trường. Sự cần mẫn chu đáo và tấm chân tình của bác Thủy (vợ bác Phương) cũng cổ thêm niềm tin và sức mạnh ấy. Ngày ấy, hai vợ chồng bác Phương cùng cô em gái mới chuyển sang sống ở Xuân Quan, trong ngôi nhà gỗ, tường gạch đơn sơ, nhỏ nhắn, sạch sẽ, vườn cây mới được bác Thủy đánh ụ trồng nhãn đang chuẩn bị ra quả lứa đầu. Đứng giữa vườn cây, nhìn khuôn mặt trắng hồng đầy mê hoặc được bao quanh bởi mái tóc hoa râm, đôi bàn tay lấm bùn, nghe những câu chuyện đời thường được kể với giọng đầy hào hứng, tôi tự hỏi, đến tuổi này (gần 70) liệu mình có còn được bầu nhiệt huyết và sức mạnh tinh thần như vậy không? Tôi hiểu rằng, trong sự tâm huyết của bác Phương và thành công của trường, có sự hy sinh của bác Thủy.

Chủ đề chính của các câu chuyện giữa hai bác cháu phần lớn đều xoay quanh công việc của trường. Đôi khi, xen lẫn vào đó là những mảnh ký ức thời trẻ của bác Phương (tuy nhiên, do cách biệt về thế hệ, nên tôi không hiểu hết và chuyện này cũng chỉ xảy ra những lúc bác Phương rất cao hứng mà thôi). Bắt đầu từ mô hình trường, hướng đi của trường. Lúc đầu những người sáng lập hình dung, trường có nhiều điểm tương tự với Trường Đại học Kinh tế - Kế hoạch (Kinh tế quốc dân ngày nay).

Tuy nhiên, sau khi nghe băng ghi âm buổi gặp của tôi với bác Can và bác Thi, có khá nhiều vấn đề được mở ra và cần làm rõ. Các câu hỏi của bác Phương tập trung vào việc làm rõ những vấn đề này. Những ai đã từng làm việc với bác Phương đều biết, các câu hỏi rất sâu, để trả lời chúng, đôi khi rất khó khăn. Một trong những câu hỏi ban đầu là: “Quản trị kinh doanh là cái gì? Tại sao các trường ở Mỹ lại dạy về quản trị kinh doanh? Quản trị hay quản lý? Quản trị nghe có vẻ hành chính lắm, cậu à”.

Có lần bác hỏi: “Giả sử, có người nói với mình sẽ góp 2 tỷ (1995) và xin làm hiệu phó phụ trách khu vực phía Nam, thì các cậu nghĩ thế nào? Mình nghĩ *hắn* chẳng dám tiếm quyền của mình, nhưng sau này mình chết rồi, *hắn* cướp trường, đuổi các cậu ra đường, không lẽ công sức của mình lo đất đai cho trường bị *hắn* chiếm cả và biến các cậu thành kẻ làm thuê, ăn mày à?” Chẳng có câu hỏi nào dễ trả lời và không phải lúc nào ý hỏi cũng rõ ràng. Tư tưởng trong đầu của người sáng lập đầu đàn này vượt quá sức hiểu biết của tôi lúc đó. Tôi đã chọn một giải pháp đơn giản và may mắn thành công: cung cấp cho bác Phương những tư liệu, sách vở mà tôi đã thu thập trong quá trình học tập ở Mỹ, giảng dạy ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân, gửi cho bác đọc trước khi sang làm việc với bác. Điều đó đã có

tác dụng; dường như, bác đã tìm được khá nhiều lời giải thích cho những câu trả lời đã nêu, hoặc chưa nêu thông qua những tài liệu tôi cung cấp. Trong số những tài liệu tôi tặng bác có cuốn “Những vấn đề cốt yếu của quản lý”⁴ tôi đã dịch từ năm 1989. Đọc xong, bác gọi điện: “Nội dung hay. Họ viết hết cả ra rồi. Đưa vào giảng cho sinh viết rất tốt”. Và cuốn sách trở thành giáo khoa đầu tiên cho đến nay của Khoa Quản lý kinh doanh ở trường ta. Có một lần, bác nói: “Năm 1985, mình tiếp một tay chuyên gia người Mỹ⁵, *hắn* nói vanh vách những điểm yếu của mình. Lúc đầu, mình nghĩ *hắn* là gián điệp. Bây giờ mình hiểu, phương Tây *nó* viết thành sách cả rồi. Phải học *nó* thôi”.

Thông qua các chuyên gia của Ngân hàng Thế giới, làm việc cho một dự án của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng (nay là Văn phòng Chính phủ), chúng tôi tập hợp tài liệu gần 52 trường tập đầu về quản trị kinh doanh của Mỹ và thế giới, gửi cho bác Phương và các sáng lập viên nghiên cứu. Hướng đi của trường dần hình thành và trở nên rõ ràng hơn. Tôi tự hào vì đã có mặt và đóng góp một phần ở thời kỳ đầu lập nghiệp này.

“Khát khao và Không sợ hãi” – “Ha-vớt” Việt Nam,...

Ban đầu, tên trường dự định đặt là *Trường Đại học Quản lý Kinh doanh Hà Nội*, tiếng Anh là Hanoi Business School

4. Sách của Harold Koontz, Chủ tịch Viện Hàn lâm về Quản lý của Mỹ, NXB Khoa học và Kỹ thuật dịch và in năm 1991, cùng thời với cuốn Kinh tế học của Samuelson.

5. John Perkins. Lối thú tội của một sát thủ kinh tế (về cách thức Mỹ thâm nhập và can thiệp vào các quốc gia thông qua các dự án và công ty tư vấn tư nhân). NXB Văn hóa - Thông tin, 2006.

(HBS). HBS cũng là chữ viết tắt tên Đại học Ha-vớt nổi tiếng của Mỹ (Harvard Business School). Lựa chọn này thể hiện sự đồng thuận với ý tưởng của những người sáng lập HBS cách đây 300 năm ở Mỹ và ước mong sẽ có được sự thành công như vậy. Sau đó, tên này bị loại bỏ (thay bằng HUBM) bởi Khoa Quản trị kinh doanh của Đại học Quốc gia Hà Nội đang trong quá trình chuyển thành trường kinh doanh cũng có ý định lấy tên tương tự (phong thanh rằng, tên này bị rò rỉ là do một vị sáng lập viên vô tình chia sẻ ra bên ngoài!). Danh hiệu “Ha-vớt Việt Nam” cũng chẳng phải nhờ đó mà có. Có lẽ tôi là người chịu sự trêu chọc của các đồng nghiệp ngoài trường nhiều nhất. Chẳng mấy ai dám nói với các bậc cao tuổi, còn tôi trẻ nhất, nên mọi người chẳng ngại.

Khóa sinh viên đầu tiên được tuyển sau khi kỳ tuyển sinh quốc gia đã qua từ lâu. Gần 800 sinh viên khóa đầu tựu trường vào tháng 11/1996 khi các trường khác đã đi được một nửa học kỳ đầu tiên. Đó là những sinh viên vì lý do nào đó không thể bắt đầu với các bạn đồng liêu ở các trường khác. “Với những sinh viên tuyển ‘vớt’ như vậy, liệu bao giờ thì thành ‘Ha-vớt’ của Việt Nam?” Chữ “vớt” này là chủ đề cho các chuyện tiếu lâm, châm chọc. Bất chấp dư luận, trong tâm trí của những người sáng lập, câu nói “Ha-vớt Việt Nam” của GS. Trần Phương không chỉ thể hiện mong muốn của một cá nhân, một giai đoạn, mà là ước mơ

về sự trường tồn, bền vững. Sau 25 năm, HUBT đã có tầm cỡ của một trường đại học lớn về quy mô, có danh tiếng ở Việt Nam. Không rõ trong 25 năm đầu tiên, Harvard của Mỹ như thế nào, nhưng chúng tôi có thể tự hào về chặng đường đầu tiên của HUBT.

“Cần kiệm và Chung sức” – Lấy tiền đâu để xây trường,...

Câu hỏi này xuất hiện đầy các nhà sáng lập vào thế bí. Các nhà khoa học đều rất giàu có về kiến thức và rất hào phóng sẵn sàng đem cho người khác. Thế nhưng, hầu hết số họ đều chẳng dư dả về kinh tế. Hội tụ nhau lại để tạo nên Hội Khoa học kinh tế Việt Nam rất có tiếng tăm, nhưng vẫn chẳng có nguồn tài chính để xây trường. Một thứ khác mà những người sáng lập có sẵn, nhờ sự hào phóng về kiến thức là các mối quan hệ. Để hoạt động được, trường bắt đầu với những sự trợ giúp có thể có từ đó. Đội Cần, Nguyễn Phong Sắc, Thái Thịnh là những địa chỉ và địa điểm trường phải “phiêu dạt” lúc ban đầu. Sau đến Cẩm Hội, Lạc Trung và cuối cùng mới “định cư” ở Vĩnh Tuy, Từ Sơn, Lương Sơn. Xây trường tốn tiền lắm, lấy đâu bây giờ? Ý kiến “vay tiền” lập tức bị bác bỏ với lập luận: “Ai là chủ sở hữu của trường? Thầy giáo, cô giáo của trường hay người cho vay? Không lẽ ta lại trở thành người làm mướn cho họ à?”

Để tìm vốn xây trường, ông Vũ Tất Bội⁶ và tôi đã thu xếp một buổi trao đổi giữa GS. Trần Phương và vị Phó Chủ tịch

6. Sáng lập viên, nguyên thành viên Hội đồng Quản trị khóa đầu, nguyên Vụ trưởng V7 (Hợp tác quốc tế), Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng (đã mất).

Quỹ Phát triển kinh tế tư nhân của chính phủ Nhật Bản tại Trường Bồi dưỡng cán bộ Đảng Nguyễn Phong Sắc. Trong buổi trao đổi, GS. Trần Phương đưa ra con số ước tính về vốn xây trường là khoảng 2,5 triệu đô-la (Mỹ). Chúng tôi đã khá bất ngờ khi nhận được câu trả lời từ phía vị Phó Chủ tịch người Nhật rằng, hạn mức này là khá thấp và đã quy định cho cấp thấp, các chính sách sẽ rất ưu đãi về lãi suất và thời gian hoàn trả. Chúng tôi rất mừng, nhưng bất ngờ hơn là lời tuyên bố của GS. Trần Phương: “Lãi suất là thấp thật, nhưng là để trả cho người ngoài; của các cậu đóng góp thì tớ sẵn sàng trả gấp ba”.

Hình thức “cổ phần” chẳng phải là mới. Ngay từ đầu, hai người bạn ngoại quốc là TS. Kee Cheok Cheong và TS. Vinuy Vichit Vadakan ⁷ đã nhiệt tình đóng góp 50.000 đô-la với cam kết “Đề góp vốn. Nếu thất bại thì chấp nhận rủi ro; nếu thành công, thì trở thành cổ đông”. Không quen với lối tư duy mới này, cộng thêm lòng khảng khái, trường đã chủ trương trả tiền lãi bằng với mức tiền gửi tại các ngân hàng Mỹ cho hai nhà khoa học hảo tâm này và hoàn trả vốn

khi trường đủ lực. Hình thức huy động vốn theo hình thức “công ty cổ phần” đã được nêu ra trong một số cuộc họp Hội đồng quản trị những khóa đầu. Nhưng lần nào quan điểm này cũng bị bác bỏ với tỷ lệ phiếu tuyệt đối. TS. Hàn Mạnh Tiến ⁸, Giám đốc Công ty Concetti ⁹ là một trong số những người phản đối mạnh mẽ và kiên trì. Dưới sự điều hành của GS. Trần Phương, Hội Khoa học kinh tế Việt Nam bảo trợ cho nhiều nhà khoa học và tổ chức khoa học làm kinh tế. Không ít trong số đó thành đạt. Tuy vậy, nguồn lực đây tiềm năng này cũng đã không được huy động. Tôi ngộ ra được một điều: nếu dựa vào sức của người khác đứng lên thì khó trụ vững được. Đã rời khỏi sự bao bọc của Nhà nước (công lập), tên hiệu của tổ chức không còn nhiều ý nghĩa. Thay vào đó, tư cách và uy tín cá nhân đóng vai trò quyết định.

Vậy thì chúng ta phải góp vào để xây dựng trường. Và hành trình tích góp bắt đầu từ những khoản đóng góp của cán bộ, giảng viên, nhân viên. Những khoản tiền cần kiệm của cá nhân được gom góp để khởi nghiệp. Ban đầu mức đóng góp được quy định ở mức 10 triệu/người. Số vốn

.....

7. Nguyên là các Giám đốc Dự án “Tăng cường năng lực quản lý kinh tế cho Chính phủ Việt Nam” của Ngân hàng Thế giới. Đây là dự án đầu tiên về kinh tế thị trường cho Việt Nam, do Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng chủ trì. Dự án rất thành công và Ngân hàng Thế giới đưa vào làm hình mẫu cho các nước đang chuyển đổi.

8. Chủ tịch danh dự Hội Các nhà quản trị doanh nghiệp Việt Nam (VACD), nguyên Chủ tịch VACD, nguyên Tổng Giám đốc Concetti, nguyên Tổng biên tập Tạp chí Nhà Quản lý; ủy viên Trung ương Hội Khoa học kinh tế Việt Nam; sáng lập viên, thành viên Hội đồng Quản trị những khóa đầu.

9. Concetti thành lập năm 1988 là một trong vài công ty tư vấn chuyển giao công nghệ thời bấy giờ.

góp cũng chỉ được khoảng 300 triệu đồng, chẳng thấm vào đâu, nếu để xây trường, nhưng là một sự quyết tâm và dũng cảm của những người đóng góp. Tất cả được dành cho việc mua sắm thiết bị học tập cho sinh viên. Tiếp nối truyền thống hy sinh và cống hiến đó, những người nổi bật cũng thể hiện sự đóng góp công sức và tài sản cho sự nghiệp của trường. Sự khôn ngoan và căn cơ trong việc chi tiêu và sử dụng tài sản được tạo dựng mới là yếu tố quyết định vào việc hình thành tài sản của trường. Kết quả kiểm toán năm 2018 xác định giá trị tài sản của trường (không kể đất đai, sản phẩm trí tuệ,...) là 855 tỷ, trong đó chỉ có gần 60 tỷ là vốn góp cá nhân. Nhiều lần sau các cuộc họp của Hiệp hội Các trường ngoài công lập (tên cũ của Hiệp hội Các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam), TS. Lê Khắc Đóa¹⁰ đã báo cáo rằng, tất cả các trường khác đều thừa nhận: “Chẳng trường nào làm được như trường ông Trần Phương”. Giá trị của sự cần kiệm và trí tuệ của trường quả là không nhỏ.

“Kiến thức và Tự trọng” – Làm khoa học bằng khí trời,...

Đối với các nhà khoa học, đặc biệt là các nhà giáo, thứ họ có rất dồi dào và luôn sẵn sàng đem dâng tặng cho người khác là *tri thức*, kiến thức. Trường được khởi xướng và thành lập cũng bắt đầu từ những nhà “tư bản kiến thức” này. Thành lập trường mới, ai cũng sẵn sàng đi giảng, thậm chí là không công. Nhưng, họ thường nghèo về tiền bạc. Tinh thần “chí sĩ” thôi thúc

họ bắt đầu sự nghiệp, dù phải chấp nhận thua thiệt về vật chất. Ở những năm tháng khởi nghiệp thua ban đầu, mức lương rất thấp và đôi khi chỉ mang tính tượng trưng. Các chính sách đăng ký hưởng 70%, 50%, 30%, thậm chí 0%, được đưa ra để đảm bảo khía cạnh tinh thần của cương vị được trao và năng lực tài chính hạn hẹp của trường. (Mức lương Hiệu trưởng ban đầu là 5 triệu/tháng và chỉ nhận 50%). Giải thích cho mức lương thấp là vì: “Chúng ta đều là những người đã về hưu. Lương hưu thì cao, ăn tiêu thì ít. Vậy lương của trường có thấp cũng không ảnh hưởng đến cuộc sống”. Lời giải thích nghe có vẻ “thật thà”, nhưng chứa đựng trong đó ý nghĩa sâu sắc về sự hy sinh và sự toàn tâm toàn ý cho sự nghiệp đang khởi dựng. Tôi được bố trí chức danh Trưởng khoa (hai năm đầu chưa có sinh viên chuyên ngành Quản lý kinh doanh); mức hưởng là 300.000/tháng. Có người đề nghị đưa tôi và một vài người khác vào danh sách thỉnh giảng. Hiệu trưởng đã giải thích một cách hóm hỉnh: “Họ đang là cán bộ nhà nước; chưa nghỉ được. Trả cho họ tiền xăng xe để họ đến họp và đóng góp cho trường. Tôi giữ người từ bây giờ. Chứ để họ về nghỉ hưu mới mời thì không kịp”. Ân tình ẩn trong câu nói đó tôi ghi nhận mà gắn bó với trường cũng vì lẽ đó.

Biết bác Phương rất bận việc, nhưng tôi vẫn thỉnh thoảng tới thăm hai bác khi có dịp. Chào hỏi hai bác được vài lời, câu chuyện lại chuyển nhanh sang việc

10. Nguyên Phó Hiệu trưởng, nguyên ủy viên Hội đồng Quản trị (đã mất).

trường. Lần nào bác cũng hỏi: “Cậu còn (công tác) mấy năm nữa?”, “Sao lâu thế?”. Không phải không nhớ, nhưng dường như câu hỏi là lời nhắc nhở, gọi nhớ. Tôi vẫn thường sử dụng “đặc ân” từ thời hai bác còn ở Xuân Quan: không báo trước, không điện thoại xin phép. Chủ nhật cuối cùng của tháng 9 năm 2013, tôi và anh Nguyễn Mạnh Khang¹¹ tới thăm hai bác, gặp anh con trai bác mở cổng, hỏi: “Các anh đã báo trước cho Cụ chưa? Nếu bị từ chối hoặc bị mắng thì ráng chịu nhé?”, rồi mới cho vào.

Ngạc nhiên và vui vẻ, bác Phương tiếp chúng tôi và hỏi ngay: “Khi nào cậu nghỉ?” Nghe tôi trả lời: “Cháu còn 1 năm thì hết quản lý (60 tuổi) và phó giáo sư thì luật cho phép kéo dài thêm 7 năm”. Bác liền nói: “Thôi, cậu cống hiến cho đất nước thế là đủ rồi. Về trường được rồi”. Sau đó, câu chuyện xoay quanh công việc của tôi khi về trường. Tôi nhận ra hoài bão của nhà khoa học đứng đầu trường và Hội Khoa học kinh tế Việt Nam là, phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học thực hành.

Tôi được giao nhiệm vụ thành lập Viện Nghiên cứu và Phát triển doanh nghiệp. Ban đầu tên Viện không có nghiên cứu, nhưng để tránh trùng với một viện có tên tương tự ở Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), nên thêm vào để phân biệt. Tên tiếng Anh của Viện là INBUS cũng do GS. Trần Phương đặt cho, lấy cảm hứng từ

Học viện INSEAD nổi tiếng thế giới mà bác Vũ Tất Bội và tôi đã giới thiệu và bố trí GS. Trần Phương gặp và làm việc với GS. De Meyer, Phó Chủ tịch INSEAD, năm 1996, khi ông sang giảng bài tại Dự án của Văn phòng Chính phủ như đã nêu ở trên. Chúng tôi giữ tên gọi INBUS của Viện như một kỷ niệm đầy trân trọng đối với người đứng đầu trường.

Sáng thứ Hai, sau buổi đến thăm, bác hẹn tôi đến lấy bản dự thảo quyết định. Bác thông báo với Ban Giám hiệu vào cuộc họp sáng thứ Ba (03/10) và thứ Năm, tôi nhận quyết định. Tôi giữ riêng cho mình một số kỷ niệm, trong đó có những bản thảo quyết định bổ nhiệm do bác Phương viết. Thú thực, không phải tất cả các văn bản đó đều trở thành hiện thực. Đọc xong cuốn “Lời thú tội của một sát thủ kinh tế”¹² của Perkins (đã nói ở trên) tôi biếu, bác gọi trả và nói: “Mình bây giờ *hết thời* rồi. Cậu mang tặng cho người khác”. Trước khi thành lập Viện Nghiên cứu phát triển Việt Nam VIDERI, bác Phương lại nhiều lần gọi tôi tới để nghe bác trao đổi. Những cuộc gặp tuy ngắn, nhưng gọi cho tôi nhớ về những ngày tháng “rong ruổi” năm 1995. Dành tâm lực, thời gian để hiện thực hóa ý tưởng về một viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế vĩ mô và khoa học chính sách, nhưng tôi vẫn giữ lại một quyết định và Bác có vẻ hơi buồn, nhưng tôi cảm thấy thanh thản, dù lại phải “làm trái lệnh” của vị Hiệu trưởng đáng kính.

11. Nguyên trợ lý đầu tiên của GS. Trần Phương, nguyên Phó Chánh văn phòng trường, nguyên Bí thư đầu tiên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của trường.

12. Tác giả John Perkins, bản dịch của NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2006.

Kính thưa Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội Khoa học kinh tế Việt Nam. Rất đồng cảm rằng, phát triển nghiên cứu khoa học ứng dụng là nỗi niềm mà nhà khoa học lão thành vẫn đau đầu. Nhưng không chỉ VIDERI, sứ mệnh của INBUS cũng vẫn còn nhiều thử thách. Mắc lỗi với bác, nhưng sự nghiệp vẫn không quên.

“Điêu dact và Vinh quang” – Hướng về tương lai, ...

Thành lập Viện INBUS, GS. Trần Phương phác họa: “Viện sẽ có các phòng ban chuyên môn. Bước đầu chỉ cần 5, 7 người, sau hãy mở rộng. Hàng năm, trường cấp kinh phí hoạt động cho các cậu. Nhưng mình không phí tiền cho các cậu nghiên cứu vớ vẩn đâu. Hãy tập trung vào kỹ năng thực hành quản trị doanh nghiệp và kết nối với cộng đồng doanh nghiệp”. Đề án mà chúng tôi chuẩn bị mất hai tháng, bác Phương đọc nhanh và chỉ ra ngay những vấn đề phải điều chỉnh. Té ra, ý tưởng về một viện nghiên cứu đã có từ lâu trong đầu của vị Hiệu trưởng¹³.

Năm 2016, Viện gửi đề xuất lên Hiệu trưởng về ý tưởng cho doanh nghiệp liên kết xây dựng cơ sở vật chất tại Từ Sơn cho mục đích sản xuất của doanh nghiệp và thực hành của sinh viên trường ta. Nhu cầu của doanh nghiệp về diện tích là 1.000 m². Bác Phương đã bút phê đồng ý, hơn nữa, bác nói: “Trường sẵn sàng cho doanh nghiệp sử dụng gấp 3 lần diện tích (bao gồm đường giao thông), không thu phí”. Nỗi

băn khoăn của vị Hiệu trưởng chỉ là sự tồn tại lâu dài và bền vững của doanh nghiệp để đảm bảo điều kiện thực hành cho sinh viên. Sau đó, khi việc hợp tác mở ra theo hướng với Nhật Bản, Viện INBUS được giao nhiệm vụ tìm kiếm và thiết lập, kết nối với cộng đồng doanh nghiệp Nhật Bản trong nước và tại Nhật. Đến nay, trường tự hào là một trong số ít các cơ sở giáo dục đại học có thể đưa sinh viên các khóa đến thực hành, trải nghiệm tại một số doanh nghiệp Nhật Bản ở phía Bắc. Tuy nhiên, lời hứa vẫn dở dang. Hầu hết công việc liên quan đến hai Viện (INBUS và VIDERI) đều được trao đổi tại các cuộc gặp riêng mà bác gọi tôi đến gặp. Tôi gặp bác ở trường chủ yếu là về công việc chung. Tuy vậy, trong nhiều lần gặp tại trường, bác vẫn nói riêng: “Hiện giờ mình chưa thể cấp vốn cho cậu nghiên cứu được, vì tài chính của trường chưa vững chắc. Cậu cứ tự lập đã nhé”. Đó là những năm, tuyển sinh của trường chỉ ở mức chưa đến một nửa mức hiện nay (6.000 sinh viên/khóa).

Vị Hiệu trưởng đã không quên lời hứa, không phải vì lòng tự trọng, mà bởi những ước mơ và mong muốn từ lâu vẫn theo đuổi. Cần phải nói thêm, tôi là người đầu tiên và duy nhất được GS. Trần Phương đồng ý cử đi dự các hội nghị quốc tế với các đồng nghiệp Nhật Bản và ASEAN tại Indonesia và Campuchia. Dù căn cơ, nhưng vị Hiệu trưởng vẫn không tiếc và không quên sứ mệnh đã giao cho tôi với

13. Trước đó, trường cũng đã thành lập Viện Nghiên cứu Quản lý và Kinh doanh, nhưng hầu như không hoạt động được.

tư cách người đứng đầu INBUS. Chúng tôi hiểu mong ước của vị Hiệu trưởng, nhà khoa học lão thành rằng: Muốn trở thành một trường đại học lớn mang tầm quốc tế, phải phát triển đồng thời, cân đối giữa ĐÀO TẠO và NGHIÊN CỨU KHOA HỌC. Nghiên cứu khoa học là công việc của những nhà khoa học nhiều tuổi có kinh nghiệm, nhưng là sự nghiệp của thế hệ trẻ, tương lai.

GS. Phan Văn Tiêm¹⁴ đã phát biểu trong Đại hội Hội Khoa học kinh tế Việt Nam lần thứ VI (tháng 4/2021) rằng “Hội Khoa học kinh tế Việt Nam đã tạo dựng nên hai tượng đài – Thời báo Kinh tế Việt Nam và Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội”. Viện Nghiên cứu phát triển Việt Nam (VIDERI) được thành lập với mong muốn phối hợp hai nguồn sức mạnh của trường và của Hội. Từ “tượng đài” đã được sử dụng để không chỉ nói lên niềm tự hào và yêu kính của cá nhân những người sáng lập, mà còn của đội ngũ các nhà khoa học thuộc Hội Khoa học kinh tế Việt Nam đối với trường. Góp phần xây dựng nên niềm tự hào này có công sức của cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường. Ngày nay, “con thuyền” HUBT đang căng buồm vượt sóng. Đại dịch Covid-19 gây tổn thất lớn cho mọi ngõ ngách của nền kinh tế toàn cầu, nhưng trường vẫn vượt qua với tổn thất ít nhất, một phần là do, niềm tin của xã hội vào tương lai tươi sáng và việc gửi gắm niềm tin ấy cho HUBT.

Buồm đã căng gió, thuyền lướt đi. HUBT cần những tay lái vững vàng để tiếp bước các thế hệ đi trước, trên hành trình tới tương lai mơ ước.

“Vị tha và Bao dung” – Sống thanh thản vinh quang,...

Người ta thường hay bình luận rằng, ai đó có nhiều hoặc ít lòng vị tha. Theo tôi, ai trong chúng ta cũng đều rất giàu lòng vị tha. Vấn đề là ở việc dành nó cho ai, trong hoàn cảnh nào. Người dành nhiều cho bản thân thì bị gọi là “ích kỷ” (Đạo đức học gọi là Chủ nghĩa vị kỷ - *Egoism*). Cách ứng xử sẽ quyết định chúng ta là ai. Tôi luôn thấy quanh tôi có những con người đáng kính, đáng tôn trọng trong vẻ bề ngoài cần mẫn, chậm rãi và bình thản của một người đã cuối chặng đường cống hiến sự sôi nổi và tuổi thanh xuân cho công việc, nay về với trường. Trong sự chậm rãi và bình thản ấy, có thể thấy rõ lòng vị tha và bao dung của người ông bà, cha chú đối với học trò. Dường như trong công việc hằng ngày của họ không chỉ có các nghĩa vụ, mà chứa đầy tình yêu cuộc sống, bản thân, đồng nghiệp và học trò. Trong buổi đón tiếp Chủ tịch nước Trương Tấn Sang về thăm trường, GS. Hiệu trưởng Trần Phương đã nói “đây là môi trường không còn sự đố kỵ, ganh ghét, chèn ép”. Đối với nhiều cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường, vật chất không còn là áp lực và mục đích phấn đấu. Hướng về tương lai, dường như mỗi người đang cố gắng

.....

14. Sáng lập viên, nguyên Bộ trưởng Văn phòng Chính phủ, nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Vietnam Airlines; nguyên Phó Chủ tịch Hội Khoa học kinh tế Việt Nam, nguyên Phó Hiệu trưởng HUBT.

cống hiến những năm tháng và phần sức lực còn lại cho sự hoàn thiện nhân cách con người, cho những người khác và cho chính bản thân. Tôi trân trọng những đóng góp quý giá ấy.

Ngày nay, nhìn thấy những người già nua, chậm chạp, miệng nở những nụ cười méo mó, nói những điều chẳng ai hiểu, có thể nhiều người cho là họ không còn minh mẫn. Chúng ta rồi cũng như vậy. Nhưng biết đâu họ đang mơ về quãng đời tuổi trẻ đầy oanh liệt, hào hùng, vất vả và hy sinh để trao lại cho các thế hệ sau những vinh quang mà cái bóng của chúng dù rất lớn cũng không thể che phủ được vóc dáng gầy gò, nhỏ bé của họ. Tôi tự nhủ, mình đã may mắn sống cùng thời với họ. Đã từng tin tưởng, tôi cũng

trưởng thành lên nhiều, nhờ những năm tháng được làm việc với thế hệ đi trước. Như lời GS. Trần Phương nói với tôi thuở ban đầu: “Câu ngồi đây xem chúng tớ điều hành trường. Sau này đến lượt thế hệ các cậu, hãy cố gắng mà theo”. Tôi học được nhiều điều từ những năm tháng đó. Lặng lẽ quan sát, tôi hiểu được tại sao vị Hiệu trưởng lại có sức thu hút và thuyết phục đối với những người xung quanh. Tôi biết, dù cố gắng, tôi cũng khó có thể làm được như vậy. Thế nhưng, sự trải nghiệm ấy cũng cho tôi một mục đích để kiên trì phấn đấu, khi sức lực còn cho phép. Tôi cố sống để sau này có thể tự hào trong những bước đi xiêu vẹo, miệng nở nụ cười ngơ ngẩn ấy./.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2021